

Bản án số: 110/2022/HS-ST

Ngày: 26/8/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG -TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhan.

Các Hội thẩm nhân dân: Nguyễn Trung Bắc; ông Nguyễn Minh Tân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đức Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 76/2022/HSST ngày 22/4/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2022/HSST-QĐ ngày 14/6/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2022/HSST-QĐHPT ngày 28/6/2022, Thông báo về việc mở lại phiên tòa ngày 21/7/2022, Thông báo về việc hoãn phiên tòa số 10/2022/TB-TA ngày 27/7/2022, Thông báo về việc mở lại phiên tòa ngày 15/8/2022, đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1982; ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn T, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Nguyễn Văn E và bà Bùi Thị E1; Gia đình có 03 chị em, L là con thứ ba; Vợ: chị Bùi Thị E2, sinh năm 1983; Có 01 con sinh năm 2003; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Bản án số 56/2021/HSST ngày 15/7/2021, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Giang xử phạt 06 tháng tù về tội “Dâm ô đối với người dưới 16 tuổi”. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 30/3/2022 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương. Có mặt tại phiên tòa.

2. **Đoàn Giang N**, sinh năm 1988; ĐKKHKT và chỗ ở: Tổ 6 A1, phường A2, thị xã B1, tỉnh Quảng Ninh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Đoàn Văn C1 và bà Phạm Thị C2; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Gia đình có 02 anh em, N là con thứ nhất; Vợ là Đào Thị C3, sinh năm 1991; Có 03 con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

3. **Bùi Văn Q**, sinh năm 1979; ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn D1, xã D2, thị xã B1, tỉnh Quảng Ninh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 10/12; Con ông Bùi Văn K1 và bà Vũ

Thị K2; Gia đình có 03 chị em, Q là con thứ hai; Vợ là Nguyễn Thị K3, sinh năm 1984; Có 02 con, lớn sinh năm 2002, nhỏ sinh năm 2004; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

4. **Mạc Văn H**, sinh năm 1978; ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn F, xã F1, huyện F2, tỉnh Quảng Ninh; Quốc tịch: Việt N; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Mạc Văn G và bà Nguyễn Thị G; Gia đình có 06 anh em, H là con thứ ba; Vợ là Nguyễn Thị G2, sinh năm 1979; Có 02 con, lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2008; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

5. **Nguyễn Thanh I**, sinh năm 1972; ĐKKHKT và chỗ ở: Khu M, phường M1, thị xã M2 tỉnh Quảng Ninh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 4/10; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị T1; Gia đình có 04 anh em, I là con thứ nhất; Vợ là Vũ Thị T2, sinh năm 1972; Có 02 con, lớn sinh năm 1995, nhỏ sinh năm 1997; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

- Người làm chứng: Anh Trịnh Công Z; Anh Nguyễn Văn Z1; Chị Phạm Thu Z2; Anh Lưu Hoàng Z3. Đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đoàn Giang N, Bùi Văn Q, Mạc Văn H, Nguyễn Thanh I quen biết nhau từ trước. Khoảng 10 giờ ngày 12/8/2021, khi các bị cáo đang ở phòng trọ ở xã Sông Khoai, thị xã M2 tỉnh Quảng Ninh thì Nguyễn Văn L (là bạn của N) và 01 nam thanh niên tên Toàn (chưa xác định được nhân thân, lý lịch) đến chơi. Trong khi I đang dọn dẹp ở sau nhà, L rủ N, Q, H đi đến nhà máy nhiệt điện KM, thị xã KM, tỉnh Hải Dương thu mua phế liệu. Do tình hình dịch bệnh Covid-19 phức tạp, tỉnh Hải Dương thành lập các Chốt kiểm soát dịch bệnh có nhiệm vụ kiểm soát người, phương tiện nếu không có giấy xét nghiệm Sars- Cov-2 âm tính sẽ không được lưu thông qua các chốt kiểm soát nên L bảo các bị cáo cung cấp ảnh chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân để L thuê 01 người tên Hải (qua xác minh là Nguyễn Duy H1, sinh năm 1969 ở L1, Xã L2, Huyện L3, Bắc Ninh) làm 04 giấy xét nghiệm. Q dùng điện thoại chụp ảnh căn cước công dân gửi cho N qua ứng dụng Zalo, N mượn và chụp ảnh chứng minh nhân dân của I nhưng không nói rõ cho I biết mục đích để làm giấy xét nghiệm. Do trong điện thoại di động của N đã có ảnh chứng minh nhân dân, thẻ căn cước công dân của N và H nên N gửi hình ảnh chứng minh nhân dân, căn cước công dân của N, H, Q, I cho L để L gửi cho H1 (việc gửi ảnh đều thông qua ứng dụng Zalo trên điện thoại di động) rồi cả nhóm đi ăn tại thành phố U, tỉnh Quảng Ninh. Khoảng 13h cùng ngày, H điều khiển xe ô tô hiệu Vinfast màu đen biển số 14A- 599.20 chở N, Q, I đến khu vực ngã ba cầu Triều còn L và Toàn đi đến khu vực cổng chào giáp ranh giữa thành phố CL, tỉnh Hải Dương và thị xã B1, tỉnh Quảng Ninh lấy giấy xét nghiệm. Khoảng 14h cùng ngày, có 01 người lái xe ô tô taxi (chưa xác định được nhân thân, lý lịch) đến đưa 04 giấy xét nghiệm cho Toàn và L. Sau khi Toàn đưa 04 phiếu trả lời kết quả xét nghiệm cho nhóm của N thì cả nhóm thấy thông tin về năm sinh trên 04 giấy xét nghiệm không đúng nên N gọi điện thoại thông báo cho L biết để bảo H1 làm 04 giấy xét nghiệm khác. Đến khoảng 15 giờ 30

phút cùng ngày, 01 người lái xe ô tô taxi (chưa xác định được nhân thân, lý lịch) đến đưa cho Toàn 04 giấy xét nghiệm để Toàn đưa lại cho N, Q, H, I kiểm tra. Thấy thông tin cá nhân trên giấy xét nghiệm đúng với thông tin cá nhân của từng người nên đã đưa lại cho H cầm để xuất trình khi đi qua chốt kiểm soát dịch bệnh rồi cả nhóm đi đến nhà máy nhiệt điện KM. Đến khoảng 20 giờ 10 phút cùng ngày, khi H điều khiển xe ô tô chở N, Q, I đi đến Chốt kiểm soát dịch bệnh Covid-19, A06 tại Km 56 + 300 Quốc lộ 37 hướng ngã ba Tr đi NS thuộc địa phận khu Tr, phường Q2, thành phố HD thì bị Tổ công tác dừng xe để kiểm tra, H xuất trình 04 phiếu trả lời xét nghiệm Sars- CoV-2 đề ngày 12/8/2021, mang tên Mạc Văn H, sinh năm 1978, HKTT: xã F1, huyện F2, tỉnh Quảng Ninh; Đoàn Giang N, sinh năm 1988, HKTT: Tổ 6 A1, phường A2, thị xã B1, tỉnh Quảng Ninh; Nguyễn Thanh I, sinh năm 1972, HKTT: M, xã M1, thị xã M2 tỉnh Quảng Ninh; Bùi Văn Q, sinh năm 1979, HKTT: D1, D2, thị xã B1, Quảng Ninh, ngày lấy mẫu là 11/8/2021, kết quả âm tính, phía dưới có hình dấu màu đỏ của Phòng khám đa khoa 182 LV - Bệnh viện Đại học quốc gia HN, chữ ký màu xanh, hình dấu tròn màu đỏ, dấu chức danh tên “PHÓ TRƯỞNG PHÒNG KHÁM Ths.Bs Ng”. Nghi ngờ 04 phiếu trả lời kết quả xét nghiệm Sars- Cov-2 là giả, Tổ công tác đã lập biên bản vụ việc và thông báo cơ quan CSĐT- Công an thành phố Hải Dương để giải quyết theo thẩm quyền. Cơ quan CSĐT- Công an thành phố Hải Dương đã thu giữ 04 phiếu trả lời kết quả xét nghiệm, 01 điện thoại hiệu Iphone 6S Plus của N, 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A02S của Q. Ngày 14/8/2021, cơ quan CSĐT- Công an thành phố Hải Dương đã triệu tập L đến làm việc, L khai nhận thuê H1 làm 04 phiếu xét nghiệm cho N, Q, H, I với số tiền 1.000.000đ và tự nguyện giao nộp 01 điện thoại di động hiệu Oppo.

Tại công văn số 101/CV- PK ngày 26/8/2021, Phòng khám đa khoa 182 LV - Bệnh viện Đại học quốc gia HN xác định: Ngày 11/8/2021, Phòng khám đa khoa 182 LV - Bệnh viện ĐHQG HN không lấy mẫu xét nghiệm Covid-19 cho các trường hợp trên. Ngày 12/8/2021, Phòng khám đa khoa 182 LV - Bệnh viện ĐHQG HN cũng không trả kết quả xét nghiệm cho 04 trường hợp nêu trên. Thông tin lấy mẫu của các mã bệnh phẩm BH2067, BH0269, BH0271, BH0273 không có trong danh sách lấy mẫu ngày 11/8/2021.

Tại bản kết luận giám định số 76 ngày 30/9/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hải Dương kết luận: Chữ ký đứng tên ThS. BS L2 trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A1- A4) là giả. Chữ ký đứng tên ThS. BS Ng trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A1- A4) là giả. Hình dấu tròn có nội dung “PHÒNG KHÁM ĐA KHOA 182 LV” trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A1- A4) không phải do con dấu có hình dấu mẫu trên các tài liệu (Ký hiệu M1- M3) đóng ra.

Về vật chứng: Đối với 01 điện thoại hiệu Iphone 6S Plus của N, 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A02s của Q, 01 điện thoại di động hiệu Oppo A37 của L đang được quản lý tại kho vật của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hải Dương; 04 (bốn) phiếu trả lời kết quả xét nghiệm Sars- Cov-2 mang tên N, Q, H, I được lưu theo hồ sơ vụ án.

Tại Cáo trạng số 79/CT-VKSTPHD, ngày 22/4/2022, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương truy tố bị cáo Đoàn Giang N về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; Tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm c

khoản 2 Điều 341 của Bộ luật hình sự; Bị cáo Nguyễn Văn L về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự; Bị cáo Bùi Văn Q về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; Tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự; Bị cáo Mạc Văn H, Nguyễn Thanh I về tội “Tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, rất ân hận về hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Bị cáo N, H, Q, I đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương để có cơ hội sửa chữa sai lầm của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm như đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đoàn Giang N, Bùi Văn Q về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; Tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”; Bị cáo Nguyễn Văn L về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”; Bị cáo Mạc Văn H và Nguyễn Thanh I về tội “Tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Về hình phạt chính: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 341, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 17, khoản 1 Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L từ 24 tháng tù đến 27 tháng tù. Tổng hợp với 06 tháng tù của Bản án số 56/2021/HSST ngày 15/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Giang. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản là 30 tháng tù đến 33 tháng tù được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam của Bản án trước (từ ngày 10/12/2020 đến ngày 04/02/2021). Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam (Ngày 30/3/2022).

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 341, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Đoàn Giang N từ 24 tháng tù đến 27 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 tháng đến 54 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Đoàn Giang N cho UBND phường A2, thị xã B1, tỉnh Quảng Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Áp dụng khoản 1 Điều 341, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, khoản 1, 2, 3 Điều 36 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Bùi Văn Q từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ.

Áp dụng khoản 1 Điều 341, điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 1, 2, 3 Điều 36 Bộ luật hình sự; thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với H. Xử phạt bị cáo Mạc Văn H, Nguyễn Thanh I mỗi bị cáo từ 9 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.

Khấu trừ 5% thu nhập của các bị cáo Q, H, I sung quỹ Nhà nước. Giao các bị cáo được cải tạo không giam giữ cho Ủy ban nhân dân nơi các bị cáo thường trú giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng. Về xử lý vật chứng đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tiếp tục quản lý trong hồ sơ vụ án 04 (bốn) phiếu trả lời kết quả xét nghiệm Sars - Cov-2 mang tên N, Q, H, I; Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại hiệu Iphone

6S Plus của Đoàn Giang N, 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A02s của Bùi Văn Q, 01 điện thoại di động hiệu Oppo của Nguyễn Văn L; Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan và người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự nên đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo Nguyễn Văn L, Đoàn Giang N, Bùi Văn Q, Mạc Văn H, Nguyễn Thanh I tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại giai đoạn điều tra, kết luận giám định, phù hợp với lời khai người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 10 giờ ngày 12/8/2021, tại phòng trọ ở xã Sông Khoai, thị xã M2 tỉnh Quảng Ninh, Đoàn Giang N, Bùi Văn Q cung cấp ảnh chứng minh nhân dân, căn cước công dân mang tên Đoàn Giang N, Bùi Văn Q, Mạc Văn H, Nguyễn Thanh I cho Nguyễn Văn L để L thuê làm giả 04 phiếu trả lời kết quả xét nghiệm Sars - Cov-2 đề ngày 12/8/2021, mang tên Mạc Văn H, sinh năm 1978, HKTT: Xã F1, huyện F2, tỉnh Quảng Ninh; Đoàn Giang N, sinh năm 1988, HKTT: Tổ 6 A1, phường A2, thị xã B1, tỉnh Quảng Ninh; Nguyễn Thanh I, sinh năm 1972, HKTT: M, xã M1, thị xã M2 tỉnh Quảng Ninh và Bùi Văn Q, sinh năm 1979, HKTT: D1, D2, thị xã B1, Quảng Ninh, ngày lấy mẫu là 11/8/2021, kết quả âm tính, phía dưới có hình dấu màu đỏ của Phòng khám đa khoa 182 LV - Bệnh viện Đại học quốc gia HN, chữ ký màu xanh, hình dấu tròn màu đỏ, dấu chức danh tên “PHÓ TRƯỞNG PHÒNG KHÁM Ths.Bs Ng”. Đến khoảng 20 giờ 10 phút cùng ngày, khi N, Q, H, I sử dụng phiếu trả lời kết quả xét nghiệm Sars - Cov-2 trên để đi qua Chốt kiểm soát dịch bệnh Covid-19, A06 tại Km 56 + 300 Quốc lộ 37 hướng ngã ba Tr đi NS thuộc địa phận khu Tr, phường Q2, thành phố HD thì bị Tổ công tác chốt kiểm soát dịch bệnh phát hiện, thu giữ vật chứng.

Hành vi của các bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã xâm phạm sự hoạt động bình thường của cơ quan tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính về con dấu, tài liệu. Các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc không đi lấy mẫu và xét nghiệm sẽ không có kết quả xét nghiệm nhưng vẫn làm giả và sử dụng các giấy xét nghiệm covid giả là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích cá nhân muốn nhanh chóng có giấy xét nghiệm để đi qua các chốt kiểm dịch nên các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. L vì muốn giúp N đã liên hệ người để hỏi và thông báo lại cho N cung cấp ảnh căn cước công dân, chứng minh nhân dân cho L để L chuyển lại cho H1 để làm giả 04 giấy xét nghiệm cho N, H, I, Q. Do vậy hành vi của bị cáo L đã đủ yếu tố cấu thành tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự. N sau khi được L thông báo đã cung cấp chứng minh nhân dân, căn cước công dân của 4 người chuyển lại cho L qua tin nhắn zalo, mục đích để làm giấy xét nghiệm đi qua được chốt kiểm dịch cho N, Q, I, H đồng thời trực tiếp sử dụng 01 giấy xét nghiệm covid giả. Do vậy hành vi của N đã đủ yếu tố cấu thành tội “Làm giả tài liệu của cơ

quan, tổ chức; Tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự. Q sau khi được thông báo đã chụp ảnh căn cước công dân của Q chuyển lại cho N qua tin nhắn zalo cho N để làm giấy xét nghiệm covid cho mình và mục đích sử dụng giấy xét nghiệm này để đi qua chốt kiểm dịch nên hành vi của Q đủ yếu tố cấu thành tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; Tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự. H, I không cung cấp căn cước công dân, chứng minh cho N mà N tự chuyển nhưng khi có giấy xét nghiệm covid có tên mình cũng không phản đối mà sử dụng giấy xét nghiệm đó để đi qua chốt kiểm dịch nên hành vi của H, I đủ yếu tố cấu thành tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Trong vụ án này, bản thân L, N, Q đều biết không đi lấy mẫu và làm xét nghiệm covid thì không có kết quả xét nghiệm theo quy định. Nhưng sau khi nghe L trao đổi về việc cung cấp ảnh chụp chứng minh nhân dân và căn cước công dân các bị cáo đều nhất trí và thực hiện theo. Như vậy, Nguyễn Văn L tuy không trực tiếp làm các giấy xét nghiệm giả nhưng giữ vai trò là người giúp sức tích cực để làm được 4 giấy xét nghiệm giả; Đoàn Giang N, Bùi Thanh Q là những người giúp sức trong việc làm giả phiếu trả lời kết quả xét nghiệm và cùng Mạc Văn H, Nguyễn Thanh I trực tiếp sử dụng giấy xét nghiệm giả.

[3] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo L trước khi phạm tội đã bị Tòa án nhân dân huyện C xét xử tại Bản án số 56/2021/HSST ngày 15/7/2021, xử phạt 06 tháng tù về tội “Dâm ô đối với người dưới 16 tuổi”. L kháng cáo. Ngày 28/9/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã ra quyết định đình chỉ việc xét xử phúc thẩm. Khi thực hiện hành vi phạm tội lần này (ngày 12/8/2021) thì bản án trên chưa có hiệu L pháp luật nên không xác định là tiền án đối với bị cáo mà xác định là nhân thân của bị cáo khi xem xét quyết định hình phạt của bị cáo trong lần phạm tội này. Các bị cáo đều không có tiền án, tiền sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Nên các bị cáo đều được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo H, I đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo N có ông bà, nội ngoại được tặng thưởng huân huy chương, có bố để được tặng kỷ niệm chương cH binh Việt Nam và kỷ niệm chương vì sự nghiệp phát triển ngành công thương; bị cáo L có bố mẹ đều tham gia quân đội được hội cựu thanh niên xung phong tỉnh Bắc Giang tặng chữ vàng danh dự. Bị cáo Q, H có thời gian phục vụ trong quân ngũ và sau khi thực hiện hành vi vi phạm đã tích cực tham gia ủng hộ phong trào phòng chống covid nên cần xem xét cho các bị cáo N, L, Q, H tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

Trên cơ sở cân nhắc tính chất hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng cần thiết áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo L ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng răn đe giáo dục bị cáo. Trước khi thực hiện hành vi phạm tội này, bị cáo đã bị Tòa án nhân dân

huyện C xét xử tại Bản án số 56/2021/HSST ngày 15/7/2021, xử phạt 06 tháng tù về tội “Dâm ô đối với người dưới 16 tuổi”. Bản án đã có hiệu L nhưng bị cáo chưa chấp hành. Do vậy cần tổng hợp hình phạt của bản án này với 06 tháng tù của Bản án 56/2021/HSST ngày 15/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Giang trừ đi thời gian bị tạm giữ. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án theo quy định tại khoản 2 Điều 56 Bộ luật hình sự. Các bị cáo N, H, I, Q đều có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo thành công dân tốt biết tôn trọng và chấp hành pháp luật là phù hợp khoản Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo N, và Điều 36 Bộ luật hình sự đối với bị cáo H, I, Q.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo đều là lao động tự do, thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về vật chứng: 04 (bốn) phiếu trả lời kết quả xét nghiệm Sars- Cov-2 mang tên N, Q, H, I được lưu theo hồ sơ vụ án là tài liệu chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo cần tiếp tục quản lý trong hồ sơ vụ án; Đối với 01 điện thoại hiệu Iphone 6S Plus của Đoàn Giang N, 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A02s của Bùi Văn Q, 01 điện thoại di động hiệu Oppo A37 của Nguyễn Văn L là công cụ để các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội của mình cần tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước.

[6] Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về vấn đề khác: Quá trình điều tra, Nguyễn Duy H1 không có mặt tại nơi cư trú nên chưa đủ căn cứ xác định H1 là người được L thuê làm giả 04 phiếu trả lời kết quả xét nghiệm Sars-Cov-2; không làm rõ được nhân thân, lý lịch của người tên Toàn (bạn của L) và những người lái xe taxi đã đưa phiếu trả lời kết quả xét nghiệm cho Toàn, Cơ quan CSĐT- Công an thành phố Hải Dương đã ra quyết định tách vụ án để tiếp tục xác minh, khi đủ căn cứ sẽ xử lý sau; Đối với 04 giấy xét nghiệm mà các bị cáo xác định là không đúng với thông tin cá nhân, cả nhóm đã vứt đi, cơ quan CSĐT- Công an thành phố Hải Dương không thu giữ được nên không có căn cứ xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Điểm c khoản 2 Điều 341, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, khoản 2 Điều 56; Điều 17, khoản 1 Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn L.

Điểm c khoản 2 Điều 341, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, 58 khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đoàn Giang N.

Khoản 1 Điều 341, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 36, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Bùi Văn Q.

Khoản 1 Điều 341, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Mạc Văn H.

Khoản 1 Điều 341, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thanh I.

Điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106, Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với các bị cáo.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”; Bị cáo Đoàn Giang N, Bùi Văn Q phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; Tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”; Bị cáo Mạc Văn H, Nguyễn Thanh I phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 25 (Hai mươi lăm) tháng tù, tổng hợp với 06 (sáu) tháng tù tại Bản án số 56/2021/HSST ngày 15/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Giang trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam 01 (một) tháng 27 (hai mươi bảy) ngày (từ ngày 10/12/2020 đến ngày 04/02/2021), buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 29 (Hai mươi chín) tháng 03 (ba) ngày tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam (ngày 30/3/2022).

2.2. Xử phạt bị cáo Đoàn Giang N 25 (Hai mươi lăm) tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 50 (Năm mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Đoàn Giang N cho UBND phường A2, thị xã B1, tỉnh Quảng Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thực hiện theo quy định tại Điều 68, Điều 92 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo phải thực hiện nghĩa vụ của người được hưởng án treo theo quy định tại Điều 87 Luật thi hành án hình sự. Trường hợp người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2.3. Xử phạt bị cáo Bùi Văn Q 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ 5% thu nhập của bị cáo Q sung quỹ Nhà nước. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

2.4. Xử phạt bị cáo Mạc Văn H 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ 5% thu nhập của bị cáo H sung quỹ Nhà nước. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

2.5. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh I 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ 5% thu nhập của bị cáo I sung quỹ Nhà nước. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Bùi Văn Q cho UBND xã D2, thị xã B1, tỉnh Quảng Ninh; Giao bị cáo Mạc Văn H cho UBND xã F1, huyện F2, tỉnh Quảng Ninh; Giao bị cáo Nguyễn

Thanh I cho UBND phường M1, thị xã M2 tỉnh Quảng Ninh nơi các bị cáo thường trú giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

- Tiếp tục quản lý trong hồ sơ vụ án 04 (bốn) phiếu trả lời kết quả xét nghiệm Sars- Cov-2 mang tên N, Q, H, I.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại hiệu Iphone 6S Plus, số máy MKU82KH/A số iMei: 355732071023039, 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A02s , màu đen, kiểu máy SM-A025F/DS, số eMei 1: 353112447439486, số eMei 2: 356087267439484, 01 điện thoại di động hiệu Oppo A37, số kiểu A37fw, số eMei 1: 866346031123078, số eMei 2: 866346031123060; Tịch thu cho tiêu hủy các vỏ phong bì. (Đặc điểm vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an thành phố Hải Dương và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hải Dương ngày 27/6/2022).

4. Về án phí: Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 26/8/2022).

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- VKSND thành phố Hải Dương;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan CSĐT- Công an TP Hải Dương;
- Chi cục THADS thành phố Hải Dương;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan HSNV CATP Hải Dương;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nhan